

Số: 1216/BC-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 07 tháng 4 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Về việc tự chủ mở ngành các trình độ của giáo dục đại học và chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học**

Kính gửi: Vụ Giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 6031/BGDĐT-GDĐH ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện đào tạo chương trình chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Trường về việc phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường Đại học Cần Thơ năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4799/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Cần Thơ;



Căn cứ kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ tại Biên bản số 1059/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 28 tháng 3 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐT ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng Trường về việc phê duyệt đề án mở ngành đào tạo năm 2023;

Trường Đại học Cần Thơ đã ban hành các quyết định mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ đại học và chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học. Trường Đại học Cần Thơ báo cáo về việc tự chủ mở ngành như sau:

### **1. Danh sách các ngành/chương trình do Trường tự chủ mở ngành**

Trường đã tự chủ mở ngành các trình độ đào tạo gồm 01 (một) ngành trình độ thạc sĩ, 04 (bốn) ngành trình độ đại học và 01 (một) chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học bao gồm:

<b>TT</b>	<b>Tên ngành đào tạo</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Trình độ đào tạo</b>
1	Kỹ thuật cơ khí	8520103	Thạc sĩ
2	Luật kinh tế	7380107	Đại học
3	Kiến trúc	7580101	Đại học
4	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	Đại học
5	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (chương trình chất lượng cao)	7520216	Đại học

### **2. Quy trình mở ngành đào tạo**

Quy trình mở ngành đào tạo đã được thực hiện theo quy định hiện hành, đặc biệt là phát huy vai trò Hội đồng trường và Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH&ĐT) Trường. Căn cứ đề xuất của các đơn vị đào tạo, nhu cầu đào tạo và các điều kiện mở ngành đào tạo, Hội đồng KH&ĐT Trường đã tư vấn cho Hiệu trưởng và Hội đồng trường xem xét, quyết định chủ trương về việc mở ngành theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn, dựa trên đề xuất của các đơn vị quản lý và đơn vị đào tạo, Trường Đại học Cần Thơ đã xây dựng kế hoạch mở ngành/chuyên ngành trình độ đại học, sau đại học. Các đơn vị quản lý và đơn vị đào tạo đã rà soát, điều chỉnh Kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030. Kế hoạch sửa đổi, bổ sung về mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030 đã được Hiệu trưởng đồng ý và Hội đồng trường chấp thuận ban hành Nghị quyết thông qua.

Quy trình mở ngành đào tạo các ngành trên được tóm tắt thông qua bảng sau:

T T	Ngành (trình độ)  Minh chứng (thời gian, văn bản)	Kỹ thuật cơ khí (thạc sĩ)	Luật kinh tế (đại học)	Kiến trúc (đại học)	Quy hoạch vùng và đô thị (đại học)	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (chương trình chất lượng cao trình độ đại học)
1	Khảo sát, phân tích và báo cáo nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực	Từ ngày 25/10/2022 đến ngày 15/11/2022	Từ ngày 15/11/2022 đến ngày 30/11/2022	Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 20/11/2022	Từ ngày 26/9/2022 đến ngày 03/10/2022	Từ ngày 03/10/2022 đến ngày 18/11/2022
2	Tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành	Tờ trình số 425/TTr-BK ngày 02/12/2022	Tờ trình số 209/KL ngày 05/12/2022	Tờ trình số 396/BK ngày 21/11/2022	Tờ trình số 297/KMT&TNTN ngày 21/11/2022	Tờ trình số 394/BK ngày 21/11/2022
3	Thẩm định đề xuất và thông qua chủ trương mở ngành của Hội đồng KH&ĐT	Biên bản số 3821/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 06/12/2022		Biên bản số 3757/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 29/11/2022		
4	Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo của Hội đồng trường	Nghị quyết số 92/NQ-HĐT ngày 30/12/2022				
5	Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng đề án	QĐ số 60/QĐ-ĐHCT ngày 09/01/2023	QĐ số 258/QĐ-ĐHCT ngày 03/02/2023	QĐ số 73/QĐ-ĐHCT ngày 09/01/2023	QĐ số 139/QĐ-ĐHCT ngày 12/01/2023	QĐ số 100/QĐ-ĐHCT ngày 11/01/2023
6	Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT)	QĐ số 61/QĐ-ĐHCT ngày 09/01/2023	QĐ số 259/QĐ-ĐHCT ngày 3/2/2023	QĐ số 101/QĐ-ĐHCT ngày 11/01/2023	QĐ số 151/QĐ-ĐHCT ngày 12/01/2023	QĐ số 130/QĐ-ĐHCT ngày 12/01/2023
7	Họp Hội đồng xây dựng CTĐT lần 1	Ngày 15/01/2023	Ngày 06/02/2023	Ngày 13/01/2023	Ngày 13/01/2023	Ngày 13/01/2023
8	Khảo sát, phân tích và báo cáo nhu cầu xã hội về ngành đào tạo	Từ ngày 10/01/2023 đến ngày 25/01/2023	Từ ngày 10/02/2023 đến ngày 27/02/2023	Từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/02/2023	Từ ngày 13/01/2023 đến ngày 03/02/2023	Từ ngày 02/01/2023 đến ngày 01/02/2023
9	Hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan về dự thảo CTĐT	Ngày 30/01/2023	Ngày 16/02/2023	Ngày 04/02/2023	Ngày 05/02/2023	Ngày 10/02/2023
10	Họp hội đồng xây dựng CTĐT sau khi lấy ý kiến các bên liên quan	Ngày 01/02/2023	Ngày 20/02/2023	Ngày 06/02/2023	Ngày 10/02/2023	Ngày 13/02/2023

T	Ngành (trình độ)	Kỹ thuật cơ khí (thạc sĩ)	Luật kinh tế (đại học)	Kiến trúc (đại học)	Quy hoạch vùng và đô thị (đại học)	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (chương trình chất lượng cao trình độ đại học)
11	Báo cáo điều chỉnh CTĐT dựa trên ý kiến các bên liên quan	Ngày 02/02/2023	Ngày 20/02/2023	Ngày 09/02/2023	Ngày 10/02/2023	Ngày 16/02/2023
12	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định CTĐT	QĐ số 409/QĐ-ĐHCT ngày 09/02/2023	QĐ số 546/QĐ-ĐHCT ngày 17/02/2023	QĐ số 305/QĐ-ĐHCT ngày 06/02/2023	QĐ số 647/QĐ-ĐHCT ngày 22/02/2023	QĐ số 646/QĐ-ĐHCT ngày 22/02/2023
13	Ngày họp Hội đồng thẩm định CTĐT	Ngày 17/02/2023	Ngày 24/02/2023	Ngày 17/02/2023	Ngày 24/02/2023	Ngày 25/02/2023
14	Tờ trình điều chỉnh CTĐT theo góp ý của Hội đồng thẩm định CTĐT	Hướng NC: 22/02/2023 Hướng UD: 23/02/2023	Ngày 25/02/2023	Ngày 20/02/2023	Ngày 27/02/2023	Ngày 27/02/2023
15	Hội đồng KH&ĐT đồng ý thông qua CTĐT	Biên bản số 658/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 28/02/2023				
16	Quyết định ban hành CTĐT	QĐ số 805/QĐ-ĐHCT ngày 02/03/2023	QĐ số 802/QĐ-ĐHCT ngày 02/03/2023	QĐ số 801/QĐ-ĐHCT ngày 02/03/2023	QĐ số 803/QĐ-ĐHCT ngày 02/03/2023	QĐ số 804/QĐ-ĐHCT ngày 02/03/2023
17	Quyết định ban hành bản mô tả CTĐT và chương trình dạy học	QĐ số 1018/QĐ-ĐHCT ngày 16/03/2023	QĐ số 1015/QĐ-ĐHCT ngày 16/03/2023	QĐ số 1014/QĐ-ĐHCT ngày 16/03/2023	QĐ số 1016/QĐ-ĐHCT ngày 16/03/2023	QĐ số 1017/QĐ-ĐHCT ngày 16/03/2023
18	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề án	QĐ số 1000/QĐ-ĐHCT ngày 15/03/2023	QĐ số 967/QĐ-ĐHCT ngày 10/03/2023	QĐ số 836/QĐ-ĐHCT ngày 03/03/2023	QĐ số 991/QĐ-ĐHCT ngày 14/03/2023	QĐ số 992/QĐ-ĐHCT ngày 14/03/2023
19	Biên bản họp hội đồng thẩm định đề án về việc kiểm tra các điều kiện bảo đảm chất lượng	Ngày 20/3/2023	Ngày 17/3/2023	Ngày 10/03/2023	Ngày 17/3/2023	Ngày 18/3/2023
20	Biên bản họp hội đồng thẩm định đề án về việc thẩm định đề án	Ngày 20/3/2023	Ngày 17/3/2023	Ngày 10/03/2023	Ngày 17/3/2023	Ngày 18/3/2023

T T	Ngành (trình độ)	Kỹ thuật cơ khí (thạc sĩ)	Luật kinh tế (đại học)	Kiến trúc (đại học)	Quy hoạch vùng và đô thị (đại học)	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (chương trình chất lượng cao trình độ đại học)
	Minh chứng (thời gian, văn bản)					
21	Biên bản của Hội đồng KH&ĐT về việc thẩm định đề án	Biên bản số 1003/BB-ĐHCT- HĐKHĐT ngày 23/3/2023	Biên bản số 981/BB-ĐHCT- HĐKHĐT ngày 23/3/2023	Biên bản số 941/BB-ĐHCT- HĐKHĐT ngày 21/3/2023	Biên bản số 980/BB-ĐHCT- HĐKHĐT ngày 23/3/2023	Biên bản số 975/BB-ĐHCT- HĐKHĐT ngày 22/3/2023
23	Biên bản của Hội đồng KH&ĐT có kết luận thông qua đề án	Biên bản số 1049/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 28/3/2023				
23	Tờ trình của Hiệu trưởng gửi Hội đồng Trường	Tờ trình số 1079/TTr-ĐHCT ngày 29/03/2023				
24	Nghị quyết Hội đồng Trường phê duyệt đề án	Nghị quyết số 96/NQ-HĐT ngày 30/3/2023				
25	Quyết định mở ngành đào tạo	QĐ số 1314/QĐ-ĐHCT ngày 04/3/2023	QĐ số 1299/QĐ-ĐHCT ngày 31/3/2023			
26	Địa chỉ công bố đề án mở ngành đào tạo	<a href="https://www.ctu.edu.vn/de-an-mo-nganh.html">https://www.ctu.edu.vn/de-an-mo-nganh.html</a>				
27	Địa chỉ lưu trữ hồ sơ mở ngành đào tạo trực tuyến	<a href="https://drive.google.com/drive/folders/1-4N1V0BFvd4qaCiAx2VS4_f9o0BJmCsD?usp=sharing">drive.google.com<sup>1</sup></a>	<a href="https://drive.google.com/drive/folders/1-B5HmcL_NFZm8KNi9ZI-4NhSnM8ObgMt?usp=sharing">drive.google.com<sup>2</sup></a>	<a href="https://drive.google.com/drive/folders/1-8nrRqjoJcvm8BP5cBH00jpkTAQ5CBxh?usp=sharing">drive.google.com<sup>3</sup></a>	<a href="https://drive.google.com/drive/folders/1-BNf3JuaTVAFaILHtneY-GlLil6PhCYr?usp=sharing">drive.google.com<sup>4</sup></a>	<a href="https://drive.google.com/drive/folders/1-GrY5ncVVlhLoKwX6ygKBbgcokt3D8W7?usp=sharing">drive.google.com<sup>5</sup></a>

<sup>1</sup> [https://drive.google.com/drive/folders/1-4N1V0BFvd4qaCiAx2VS4\\_f9o0BJmCsD?usp=sharing](https://drive.google.com/drive/folders/1-4N1V0BFvd4qaCiAx2VS4_f9o0BJmCsD?usp=sharing)

<sup>2</sup> [https://drive.google.com/drive/folders/1-B5HmcL\\_NFZm8KNi9ZI-4NhSnM8ObgMt?usp=sharing](https://drive.google.com/drive/folders/1-B5HmcL_NFZm8KNi9ZI-4NhSnM8ObgMt?usp=sharing)

<sup>3</sup> <https://drive.google.com/drive/folders/1-8nrRqjoJcvm8BP5cBH00jpkTAQ5CBxh?usp=sharing>

<sup>4</sup> <https://drive.google.com/drive/folders/1-BNf3JuaTVAFaILHtneY-GlLil6PhCYr?usp=sharing>

<sup>5</sup> <https://drive.google.com/drive/folders/1-GrY5ncVVlhLoKwX6ygKBbgcokt3D8W7?usp=sharing>

## 3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì ngành

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
							Bộ	Cơ sở
<b>1. Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí, mã ngành 8520103</b>								
1	Ngô Quang Hiếu 30/06/1980	080080000246 Việt Nam	Phó Giáo sư, 2018	Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2012	Kỹ thuật cơ khí	10	2	2
2	Nguyễn Hữu Cường 06/11/1980	092080005609 Việt Nam	-	Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2016	Kỹ thuật cơ khí và ô tô	6	2	2
3	Nguyễn Văn Tài 10/02/1987	321234877 Việt Nam	-	Tiến sĩ, Đài Loan, 2020	Kỹ thuật cơ khí	-	-	1
4	Nguyễn Hoài Tân 19/06/1988	086088006171 Việt Nam	-	Tiến sĩ, Đài Loan, 2021	Kỹ Thuật cơ khí	-	-	-
5	Nguyễn Minh Nhựt 21/12/1985	092085014881 Việt Nam	-	Tiến sĩ, Đức, 2021	Kỹ thuật cơ khí	-	-	-
<b>2. Ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế, mã ngành 7380107</b>								
1	Trần Vang Phủ 14/07/1989	092089001380 Việt Nam	-	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Luật kinh tế	12	-	3
<b>3. Ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kiến trúc, mã ngành 7580101</b>								
1	Nguyễn Văn Tâm 30/06/1973	362242568 Việt Nam	-	Tiến sĩ, Bi, 2017	Kiến trúc	25	1	1
<b>4. Ngành đào tạo trình độ đại học ngành Quy hoạch vùng và đô thị, mã ngành 7580105</b>								
1	Nguyễn Hữu Kiệt 19/11/1978	361764600 Việt Nam	-	Tiến sĩ, Đức, 2019	Quy hoạch không gian	14	2	7
<b>5. Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học thuộc ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, mã ngành 7520216</b>								
1	Nguyễn Chí Ngôn 11/09/1972	096072000036 Việt Nam	Phó Giáo sư, 2015	Tiến sĩ, Đức, 2007	Kỹ thuật điều khiển	24	5	1

#### 4. Cam kết thực hiện

Trường Đại học Cần Thơ đã tuyên bố tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và xác định mục tiêu giáo dục và cam kết chính sách chất lượng.

- **Tầm nhìn:** Trường ĐHTC là nơi hội tụ, giao thoa và sản sinh tri thức - văn hóa - khoa học - công nghệ, tác động vào phát triển xã hội bền vững.

- **Sứ mệnh:** Đào tạo con người tinh hoa trong môi trường học tập khai phóng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đương đại, phát triển xã hội bền vững.

- **Giá trị cốt lõi:** Đồng thuận - Tận tâm - Chuẩn mực - Sáng tạo.

- **Triết lý giáo dục:** Vì Cộng đồng, Toàn diện và Ưu việt

- **Mục tiêu giáo dục:** Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế. Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân.

- **Chính sách đảm bảo chất lượng:** Nhận thức tầm quan trọng của nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao và sự cạnh tranh mạnh mẽ về chất lượng đào tạo trong bối cảnh phát triển mới của quốc gia và quốc tế, Trường ĐHTC cam kết đảm bảo chất lượng thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho người học khi ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi. Trường cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Trường sẽ được quy trình hóa, tin học hóa, áp dụng các phương thức quản trị cập nhật và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

Trường Đại học Cần Thơ cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

#### 5. Văn bản gửi kèm

- Nghị quyết số 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Trường về việc phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường Đại học Cần Thơ năm 2023.

- Kế hoạch số 14/KH-ĐHTC ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Trường Đại học Cần Thơ về việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và chương trình chất lượng cao trình độ đại học (đợt 1, năm 2023).

- Trích Biên bản số 1059/BB-ĐHTC-HĐKHĐT ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ.

- Nghị quyết số 96/NQ-HĐT ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng Trường về việc phê duyệt đề án mở ngành đào tạo năm 2023.

- Quyết định số 1299/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc mở ngành đào tạo và chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

- Quyết định số 1314/QĐ-ĐHCT ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ Về việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí, mã ngành 8520103.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng trường;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, PĐT, KSĐH.







**DANH MỤC VĂN BẢN**

*(kèm theo báo cáo số: 1216/ĐHCT ngày 07 tháng 4 năm 2023  
của Trường Đại học Cần Thơ)*

1. Nghị quyết số 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Trường về việc phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường Đại học Cần Thơ năm 2023.
2. Kế hoạch số 14/KH-ĐHCT ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Trường Đại học Cần Thơ về việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và chương trình chất lượng cao trình độ đại học (đợt 1, năm 2023).
3. Trích Biên bản số 1059/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ.
4. Nghị quyết số 96/NQ-HĐT ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng Trường về việc phê duyệt đề án mở ngành đào tạo năm 2023.
5. Quyết định số 1299/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc mở ngành đào tạo và chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.
6. Quyết định số 1314/QĐ-ĐHCT ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ Về việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí, mã ngành 8520103.



92/NQ-HĐT

Cần Thơ, ngày 30 tháng 12 năm 2022

## NGHỊ QUYẾT

### Phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường Đại học Cần Thơ năm 2023

#### HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 12 tháng 02 năm 2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-HĐT ngày 22 tháng 12 năm 2022 của kỳ họp thứ tám Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Xét Tờ trình số 3992/TTr-DHCT ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Báo cáo hoạt động năm 2022 và xin phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Trường Đại học Cần Thơ.

#### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ năm 2023 như sau:

##### **1. Công tác tổ chức, nhân sự**

###### **1.1. Công tác tổ chức**

- Rà soát để điều chỉnh, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường trình Hội đồng trường. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh hoặc ban hành mới một số quy định của Trường cho phù hợp với quy định mới của Nhà nước và chuẩn bị để Trường thực hiện tự chủ.

- Thực hiện các thủ tục để thành lập Phân hiệu của Trường tại tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang, Trường Thủy sản, Trung tâm Phân tích-Kiểm định.

- Kiểm tra, rà soát, cập nhật các quy định, quy trình, thủ tục hành chính và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường.

- Hoàn thành xây dựng Chiến lược và kế hoạch phát triển Trường Đại học Cần Thơ giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

## 1.2. Công tác nhân sự

Trong năm 2023, công tác nhân sự cần thực hiện những nội dung chính sau đây:

- Thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức quản lý các cấp trong Trường nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm kỳ 2025-2030.
- Thực hiện quy trình bổ nhiệm viên chức quản lý các cấp theo nhiệm kỳ 2020-2025.
- Tiếp tục rà soát, thực hiện Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2020-2025.
- Thực hiện tốt Đề án vị trí việc đã được phê duyệt. Rà soát, bổ sung Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc tuyển dụng nhân sự và chuyển đổi vị trí làm việc và chuẩn bị kế hoạch đánh giá VC-NLĐ theo KPI làm cơ sở chi trả thu nhập; tiếp tục sắp xếp lại nhân sự kiện toàn viên chức quản lý các cấp.
- Tiếp tục tạo điều kiện để đào tạo giảng viên đạt trình độ tiến sĩ, nhất là đào tạo ở nước ngoài theo Đề án 89 do Bộ GD&ĐT triển khai thực hiện; tiếp tục đẩy mạnh công tác đăng ký xét duyệt chức danh giáo sư, phó giáo sư.

**Bảng 1:** Kế hoạch phát triển VC-NLĐ do Trường trả lương đến 31/12/2023.

TT	Nhóm vị trí việc làm	31/12/2022		31/12/2023		Ghi chú
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	
1	Giảng viên	1099	72.16	1225	72.10	
2	Trợ giảng*	14	0.92	35	2.06	
3	Giáo viên trung học PT	15	0.98	18	1.06	
4	Chuyên viên, kế toán viên	201	13.20	204	12.01	
5	Nhân viên PTH/PTN	67	4.40	89	5.24	
6	Bảo vệ	43	2.82	42	2.47	
7	Nhân viên thư viện	27	1.77	30	1.77	
8	Nhân viên vệ sinh, tạp vụ	38	2.50	38	2.24	
9	Nhân viên lái xe	8	0.53	7	0.41	
10	Các vị trí việc làm khác	11	0.72	11	0.65	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1523</b>	<b>100</b>	<b>1699</b>	<b>100</b>	

## 2. Hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

### 2.1. Công tác đào tạo

#### a) Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 theo trình độ (đại học, thạc sĩ và tiến sĩ) và hình thức đào tạo (chính quy, vừa làm vừa học và đào tạo từ xa) như Bảng 2.

**Bảng 2:** Chỉ tiêu tuyển sinh các ngành đại học và sau đại học năm 2022.

TRÌNH ĐỘ VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO			CHỈ TIÊU	TỔNG
Đại học	Chính quy	Đại học hệ chính quy	9.310	9.310
		Vừa làm vừa học	2.100	
	Ngoài chính quy	Đào tạo từ xa	2.950	5.050
Sau đại học	Chính quy	Thạc sĩ	2.493	2.710
		Tiến sĩ	217	

**b) Mở ngành**

- Mở các ngành đào tạo và chương trình đào tạo (CTĐT) chất lượng cao trình độ đại học:

+ Chương trình đào tạo đại trà: ngành Quy hoạch vùng và đô thị (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7580105), ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7140247), ngành Giáo dục mầm non (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7140201), ngành Kiến trúc (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7580101) và ngành Luật Kinh tế (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7380107).

+ Chương trình đào tạo chất lượng cao: ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (Mã ngành đào tạo cấp IV: 7520216).

+ Mở ngành Logistics cho hệ ĐH đào tạo từ xa.

- Sau đại học:

+ Mở mới trình độ tiến sĩ: TS. Toán giải tích (Mã số: 9460102)

+ Mở mới trình độ thạc sĩ: ThS Kỹ thuật cơ khí (Mã số: 8520103); ThS Hóa học (Mã số: 8440112); ThS Lý luận và Phương pháp dạy học (Mã số: 8140110).

+ Xây dựng CTĐT Kỹ thuật nông nghiệp thông minh (thuộc ngành Khoa học cây trồng, mã số 8620110).

- Tiếp tục rà soát lại danh mục ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội và chiến lược phát triển trường; tạm dừng hoặc loại bỏ các chương trình không còn thu hút sinh viên và nhu cầu xã hội.

**c) Chất lượng giáo dục và kiểm định**

*Về công tác đánh giá và kiểm định chất lượng các CTĐT:*

Kiểm định chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT: đánh giá ngoài 11 CTĐT (theo kế hoạch giai đoạn 2021-2022); tự đánh giá và đánh giá ngoài 13 CTĐT (theo kế hoạch giai đoạn 2022-2023); tự đánh giá 10 CTĐT (theo kế hoạch giai đoạn 2023-2024).

Đánh giá chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn AUN-QA: đánh giá ngoài 12 CTĐT (các đợt: tháng 4, 7 và 9/2023); tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài 04 CTĐT giai đoạn 2023-2024. Cải tiến chất lượng các CTĐT được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Mở rộng áp dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT quốc tế đã được Bộ GD&ĐT công nhận trong công tác đánh giá chất lượng CTĐT.

*Về công tác đánh giá và kiểm định chất lượng Trường:*

Kiểm định chất lượng Trường Đại học Cần Thơ chu kỳ 2 giai đoạn 2018-2023.

*Về công tác khảo sát các bên liên quan:*

Thực hiện công tác khảo sát việc làm sinh viên tốt nghiệp và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan khác phục vụ công tác đảm bảo chất lượng CTĐT và Trường.

Thực hiện công tác khảo sát SV tốt nghiệp về mức đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

*Về công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong:*

Điều chỉnh, bổ sung và xây dựng các công cụ, các quy trình nhằm hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong.

Tổ chức hội nghị và hội thảo chuyên môn về đảm bảo chất lượng trường và CTĐT; bồi dưỡng năng lực đảm bảo và kiểm định chất lượng cho đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng các cấp.

Phân cấp quản lý và đưa vào sử dụng phần mềm hỗ trợ viết báo cáo tự đánh giá cơ

sở giáo dục và CTĐT, phần mềm quản lý dữ liệu phục vụ công tác đảm bảo chất lượng giáo dục.

*Về công tác đối sánh và xếp hạng:*

Đối sánh chất lượng giáo dục Trường và CTĐT đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Tham gia xếp hạng trường và xếp hạng theo lĩnh vực theo các tiêu chí của QS (Quacquarelli Symonds); nghiên cứu tham gia xếp hạng trường theo các tiêu chí của GreenMetric và các xếp hạng phù hợp với điều kiện của Trường.

**d) Quản lý hoạt động đào tạo, thu hút người học và công tác có liên quan**

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, quy chế, quy trình và văn bản hướng dẫn liên quan đến công tác đào tạo phù hợp với pháp luật của Nhà nước và quy định hiện hành.

Thực hiện đầy đủ quy định của nhà nước về chế độ chính sách đối với sinh viên. Từng bước đảm bảo người học ra Trường đáp ứng tiêu chuẩn công dân toàn cầu; tạo điều kiện cần để thu hút học sinh giỏi vào Trường; Đảm bảo tốt điều kiện học tập, rèn luyện và sinh hoạt để phát huy tốt năng lực, phát triển toàn diện đáp ứng nhu cầu người học. Xây dựng chính sách thu hút người học phù hợp với cơ chế tự chủ tài chính của Nhà trường.

Tiếp tục phát huy và tìm giải pháp phù hợp trong công tác tư vấn và hỗ trợ người học. Nắm bắt kịp thời và tư vấn tâm lý, học đường và sức khỏe cho người học.

Công tác quảng cáo, quảng bá: Tiếp tục đẩy mạnh công tác quảng cáo tuyển sinh trên các phương tiện truyền thông như website Trường; phát tờ rơi, brochure, in lịch treo tường và lịch bàn; dựng pano và treo băng rôn quảng cáo tuyển sinh tại Trường và các Đơn vị liên kết; quảng cáo trên Facebook, livestream lễ trao bằng tốt nghiệp tại Trường... Đẩy mạnh quảng bá đào tạo sau đại học thông qua tổ chức Hội thảo đào tạo sau đại học; hoàn thiện các trang tin giới thiệu về đào tạo sau đại học, đặc biệt chú trọng điều kiện sinh viên đại học được học trước 15 TC chương trình thạc sĩ; kỹ sư tốt nghiệp CTĐT chuyên sâu đặc thù bậc 7 hay thạc sĩ đã tốt nghiệp các ngành khác được chuyển điểm, công nhận tối đa 30 TC của CTĐT thạc sĩ.

## **2.2. Hoạt động khoa học và công nghệ**

Tiếp tục Triển khai nội dung Chỉ thị số 02-CT/ĐU ngày 07/7/2021 của Ban Thường vụ Đảng ủy về “*Đẩy mạnh công tác công bố khoa học và xuất bản quốc tế*”.

Tiếp tục triển khai nhiệm vụ KH&CN theo 7 lĩnh vực NCKH ưu tiên, đồng thời tăng cường tham gia tuyển chọn đề tài địa phương/doanh nghiệp, đề tài, dự án cấp nhà nước và bộ ngành theo đặt hàng.

Triển khai thực hiện các đề tài NCKH được phê duyệt (dự kiến có 400 đề tài cấp cơ sở, 10 đề tài NAFOSTED, 22 đề tài cấp nhà nước, bộ ngành, 20 đề tài hợp tác với địa phương/doanh nghiệp, 20 đề tài, dự án, chương trình hợp tác quốc tế).

Thực hiện tốt công tác sơ kết và tổng kết hợp tác với địa phương và với các viện trường; Tăng cường mối quan hệ hợp tác và tiến tới ký kết hợp tác toàn diện với các tỉnh thành vùng ĐBSCL.

Tăng cường công tác đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ các công trình đặc thù và có tính thương mại cao, tiếp cận đăng ký sở hữu trí tuệ quốc tế.

Ban hành Quy chế Quản lý hoạt động KH&CN Trường Đại học Cần Thơ; Đẩy mạnh công tác đăng ký xác lập quyền SHTT.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch và các giải pháp nâng cao chất lượng Tạp chí Khoa học (tiếng Anh) của Trường đạt chuẩn quốc tế thuộc Scopus đến năm 2025.

Triển khai và thực hiện tốt vai trò sáng lập, chủ trì và điều phối Diễn đàn phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (SDMD 2045) nhằm quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của Trường trong khu vực và trên thế giới.

### **2.3. Hợp tác trong nước, quốc tế và truyền thông**

Tập trung khai thác nguồn lực được đầu tư từ Dự án Nâng cấp Trường ĐHCT để phát triển Trường ĐHCT đạt đẳng cấp quốc tế; đồng thời triển khai thực hiện tốt Dự án Hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 và Dự án sử dụng nguồn vốn kết dư của dự án Nâng cấp Trường ĐHCT. Thực hiện có hiệu quả các thỏa ước hợp tác đã ký kết với các đối tác. Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu của Trường.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 160-NQ/ĐU về tiếp tục đẩy mạnh công tác đối ngoại và phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ cộng đồng của Trường ĐHCT; xây dựng Quy chế quản lý lưu học sinh thay thế Quyết định 777/QĐ-ĐHCT.

Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp quốc tế trong đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ, tuyển dụng – việc làm với các mô hình hợp tác đào tạo trong và ngoài nước theo nhu cầu doanh nghiệp quốc tế, phối hợp nghiên cứu và chuyển giao, thực hiện chương trình thực tập tại các doanh nghiệp quốc tế trong và ngoài nước.

Tiếp tục thúc đẩy xây dựng các dự án quốc tế mang tầm chiến lược, khai thác lợi thế đặc trưng riêng biệt của Trường, của vùng DBSCL để thu hút tài trợ viện trợ và đầu tư từ các đối tác là các viện, trường, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ cũng như các doanh nghiệp. Đẩy mạnh mô hình hợp tác chuyển giao công nghệ cho các nước đang phát triển đặc biệt là các nước láng giềng với sự tài trợ của các tổ chức chính phủ - phi chính phủ khác nhau.

Trường tiếp tục xây dựng kế hoạch truyền thông, nhận dạng và quảng bá thương hiệu Trường Đại học Cần Thơ. Phát huy vai trò của Tổ truyền thông thuộc Trung tâm Quản trị mạng để triển khai nhiệm vụ truyền thông của Trường.

## **3. Tài chính và tài sản**

### **3.1. Tài chính**

#### **a) Kế hoạch thực hiện nguồn thu**

Tổng dự toán nguồn thu trong năm 2023 ước đạt 805,7 tỷ đồng, tăng 23,2% so với ước thực hiện năm 2022. Trong đó: nguồn NSNN cấp bù sự phạm, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chi phí sinh hoạt của sinh viên theo Nghị định 116/NĐ-CP là 78,0 tỷ đồng, tăng 133,9% so với năm 2022, nguyên nhân tăng chủ yếu là nguồn kinh phí sinh hoạt đối với sinh viên sự phạm khóa tuyển sinh năm 2021 (NSNN cấp thiếu) và khóa mới năm 2022 chưa cấp. Nguồn thu sự nghiệp ước đạt 727,7 tỷ đồng, tăng 17,2% so với năm 2022. Trong đó, học phí chính quy ước đạt 610 tỷ đồng, tăng 108,5 tỷ đồng (tăng 21,6%, do tăng học phí ở học kỳ 1 năm học 2023-2024); học phí liên kết đào tạo ước đạt 55,0 tỷ đồng, tăng 7 tỷ đồng (+14,6%), học phí Trường THSP ước đạt 8,7 tỷ đồng (tăng 20,8%), các nguồn thu sự nghiệp khác chưa được ổn định bình thường, ước đạt 54,0 tỷ đồng (giảm 15,6%).

#### **b) Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chi**

Tổng dự toán chi trong năm 2023 là 823,5 tỷ đồng bao gồm cả chi từ các nguồn quỹ, tăng 23,0% so với ước thực hiện năm 2022. Trong đó: chi trực tiếp từ nguồn thu có trong năm là 732,0 tỷ đồng (tăng 26,8% so với năm 2022), chi từ các nguồn quỹ là 91,5 tỷ đồng (giảm 0,8% so với năm 2022), tiếp tục đầu tư kinh phí cho việc sửa chữa và mua sắm bổ sung thiết bị cho các đơn vị có CTĐT kiểm định ngoài trong năm 2023, dự kiến

tiếp tục đối ứng cho phần kinh phí kết dư của dự án ODA năm 2023 là 20 tỷ đồng.

Cụ thể các nhóm chi: (i) nhóm chi thanh toán cho cá nhân là 352,0 tỷ đồng, tăng 26,3% so với năm 2022, nguyên nhân chính là tiền lương cơ sở tăng từ 1,49 lên 1,8 triệu đồng/tháng, tăng thu nhập tăng thêm và một số mục chi khác do điều chỉnh Quy chế CTNB áp dụng trong năm 2023, đồng thời trích quỹ học bổng khuyến khích học tập cũng tăng do tăng mức học phí. (ii) nhóm chi về hàng hóa và dịch vụ cho hoạt động chuyên môn là 296,8 tỷ đồng, tăng 7,0% so với năm 2022, trong đó tiền giảng vượt giờ dự kiến 90 tỷ đồng, các khoản chi sửa chữa cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ chuyên môn được bố trí thường xuyên trong năm 26,3 tỷ đồng; dự chi kiểm định CTDT và kiểm định Trường là 25 tỷ đồng. (iii) nhóm chi phí khác 103,4 tỷ đồng tăng 58,6%, bao gồm: chi miễn giảm học phí và các chế độ chính sách của sinh viên là 59,8 tỷ đồng, thực hiện nộp thuế TNDN (2% học phí) năm 2023 ước 13 tỷ đồng, chi hoạt động phúc lợi, khen thưởng là 10,3 tỷ đồng. (iv) nhóm chi đầu tư, mua sắm đào tạo... là 71,2 tỷ đồng tăng 47,4%, trong đó chuẩn bị vốn đối ứng cho phần kết dư của dự án ODA là 20,0 tỷ đồng, mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn chuẩn bị kiểm định các CTDT 29,0 tỷ đồng, chi phí đào tạo 3,4 tỷ đồng... (Phụ lục 1).

**Bảng 3: Dự toán nguồn thu-chi năm 2023**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Ước thực hiện 2022			Dự toán 2023			So sánh 2023/2022 (± %)
	Tổng	Ước TH	Nguồn quỹ	Tổng	Dự toán	Nguồn quỹ	
<b>TỔNG NGUỒN</b>	<b>1.098.313</b>	<b>710.220</b>	<b>388.093</b>	<b>1.234.439</b>	<b>868.535</b>	<b>365.904</b>	12,4
<i>1. Kỳ trước chuyển sang</i>	<i>444.268</i>	<i>56.175</i>	<i>388.093</i>	<i>428.739</i>	<i>62.835</i>	<i>365.904</i>	-3,5
<b>A. Thu trong kỳ</b>	<b>654.045</b>	<b>654.045</b>		<b>805.700</b>	<b>805.700</b>		23,2
a.NS cấp bù SP, miễn giảm HP	33.345	33.345		78.000	78.000		133,9
b.Nguồn sự nghiệp để lại	620.700	620.700		727.700	727.700		17,2
<b>B. Chi trong kỳ</b>	<b>669.574</b>	<b>577.385</b>	<b>92.189</b>	<b>823.489</b>	<b>732.010</b>	<b>91.479</b>	23,0
1.Nhóm chi cho cá nhân	278.778	278.778	0	352.043	352.043	0	26,3
2.Nhóm chi hàng hóa dịch vụ	277.297	250.227	27.070	296.802	286.802	10.000	7,0
3.Nhóm chi khác	65.177	45.710	19.467	103.401	93.039	10.362	58,6
4.Nhóm chi đầu tư	48.322	2.670	45.652	71.243	126	71.117	47,4
<b>C. Cân bằng thu chi (A-B)</b>	<b>-15.529</b>	<b>76.660</b>	<b>-92.189</b>	<b>-17.789</b>	<b>73.690</b>	<b>-91.479</b>	
Trích lập các quỹ		70.000			72.000		2,9
<i>Chuyển sang kỳ sau</i>	<i>428.739</i>	<i>62.835</i>	<i>365.904</i>	<i>410.950</i>	<i>64.524</i>	<i>346.425</i>	-4,1

**c) Kế hoạch kinh phí phân giao các đơn vị năm 2023**

Tổng dự toán chi trong năm 2023 là 823,5 tỷ đồng, bao gồm cả chi từ các nguồn quỹ 91,5 tỷ đồng. Dự toán phân giao kinh phí tự chủ cho 42 đơn vị thuộc trường (19 đơn vị đào tạo và 23 đơn vị chức năng) là 45,1 tỷ đồng, kinh phí các đơn vị tham mưu theo chức năng là 417,1 tỷ đồng và Phòng Tài chính tham mưu trực tiếp chi 361,2 tỷ đồng bao gồm tiền lương và thu nhập tăng thêm,... Cụ thể dự toán phân giao như sau:

Bảng 4: Dự toán phân giao kinh phí các đơn vị năm 2023

ĐVT: Triệu đồng

Đơn vị	Tự chủ	Tham mưu	P.TC	TỔNG
B.ODA	0,0	20.000,0	0,0	20.000,0
K.DB	351,6	0,0	1.470,0	1.821,6
K.GDTC	505,8	400,0	4.170,0	5.075,8
K.KHCT	653,0	236,0	5.995,0	6.884,0
K.KHTN	2.961,3	0,0	16.090,0	19.051,3
K.L	730,3	0,0	10.680,0	11.410,3
K.MT	1.301,0	418,9	10.840,0	12.559,9
K.NNg	1.013,4	1.330,0	15.660,0	18.003,4
K.PTNT	1.395,9	345,0	7.670,0	9.410,9
K.SDH	207,1	1.303,3	1.442,0	2.952,4
K.SP	2.128,8	391,2	22.880,0	25.400,0
K.TS	1.664,7	600,0	16.929,0	19.193,7
K.XHNV	890,9	0,0	7.860,0	8.750,9
P.CTCT	170,0	1.058,0	3.762,0	4.990,0
P.CTSV	218,5	0,0	2.690,0	2.908,5
P.CTSV-KTX	0,0	3.634,3	0,0	3.634,3
P.DT	151,0	1.199,7	1.830,0	3.180,7
P.HTQT	87,0	1.739,5	1.370,0	3.196,5
P.KHTH	382,0	2.800,0	3.650,0	6.832,0
P.QLKH	100,0	14.000,0	1.670,0	15.770,0
P.QTTB	135,0	91.303,0	3.000,0	89.438,0
P.TC	132,0	233.949,8	100.500,0	339.581,8
P.TCCB	217,2	5.000,9	1.900,0	7.118,1
P.TTPC	46,3	433,4	0,0	479,7
To.TCKH	69,5	1.279,0	0,0	1.348,5
TT.GDQP	664,0	489,0	2.035,0	3.188,0
TT.HL	887,4	1.950,0	5.900,0	8.737,4
TT.LKĐT	6.000,0	0,0	0,0	6.000,0
TT.QLCL	129,8	15.000,0	1.470,0	16.599,8
TT.QTM	177,0	5.648,9	1.590,0	7.415,9
TT.TV-KN	129,5	390,0	0,0	519,5
Tr.BK	4.608,5	1.576,4	31.200,0	37.384,9
Tr.CNTT	2.207,7	1.454,0	15.654,0	19.315,7
Tr.KT	2.277,3	2.450,0	22.550,0	27.277,3
Tr.No	3.460,4	300,0	23.920,0	27.680,4
Tr.THSP	5.482,5	1.857,0	0,0	7.339,6
V.BDKH	68,0	0,0	0,0	68,0
V.CNSH	2.127,9	1.060,0	11.310,0	14.497,9
V.ĐBSCL	177,0	50,0	3.540,0	3.767,0
VP.CĐ	72,0	2.452,0	0,0	2.524,0
VP.Đảng	155,2	380,3	0,0	535,4
VP.ĐTN	82,8	640,0	0,0	722,8
VP.HĐT	923,4	0,0	0,0	923,4
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.142,6</b>	<b>417.119,8</b>	<b>361.227,0</b>	<b>823.489,3</b>



**d) Kế hoạch giải ngân dự án ODA**

Dự toán kinh phí năm 2023 là 152,0 tỷ đồng, trong đó NSNN cấp 132,0 tỷ đồng cho đầu tư tòa nhà Trung tâm đào tạo quốc tế, vốn đối ứng dự kiến là 20,0 tỷ đồng. Dự kiến sẽ giải ngân hết các nguồn kinh phí trong năm 2023, riêng vốn đối ứng còn dư sẽ nối tiếp thực hiện phân vốn kết dư ở năm tiếp theo.

*DVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Ước TH 2022	Dự toán 2023
<b>1.Nguồn vốn</b>	<b>488.101</b>	<b>152.000</b>
-Ngân sách cấp	467.993	132.000
-Vốn vay lại (NCKH)	0	
-Vốn vay lại (Đào tạo)	108	
-Vốn đối ứng	20.000	20.000
<b>2.Sử dụng vốn</b>	<b>370.795</b>	<b>152.000</b>
-Ngân sách cấp	328.187	132.000
-Vốn vay lại (NCKH)	0	
-Vốn vay lại (Đào tạo)	108	
-Vốn đối ứng	42.500	20.000
<b>3.Chênh lệch vốn đối ứng</b>	<b>-22.500</b>	<b>0</b>
⇒ Số dư vốn đối ứng	<b>66.057</b>	<b>66.057</b>

**e) Kế hoạch thực hiện các Quy chế nội bộ trong năm 2023**

- Tổ chức thực hiện việc chỉ tiêu, sử dụng kinh phí của Trường năm 2022 theo đúng các quy định, chế độ tiêu chuẩn và định mức trong Quy chế chỉ tiêu nội bộ.

- Triển khai thực hiện kiểm toán nội bộ theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐT ngày 14/01/2022 và Quyết định 1447/QĐ-DHCT ngày 11/5/2022, về kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện công tác kế toán tài chính Trường DHCT năm 2022.

**3.2. Xây dựng cơ bản, cơ sở vật chất trang thiết bị**

Trong năm 2023, Công tác xây dựng cơ bản, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường sẽ tập trung vào các hoạt động chính sau:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để có thể triển khai các công trình thuộc kế hoạch trung hạn của Trường và các công trình phải báo cáo và xin ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện các thủ tục tiếp nhận cơ sở vật chất tại tỉnh Sóc Trăng để xây dựng thành Phân hiệu Trường Đại học Cần Thơ tại tỉnh Sóc Trăng.

- Cố gắng hoàn thành việc quy hoạch Khu Măng Đen và triển khai các công trình phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Tổ chức khai thác tốt cơ sở vật chất và các trang thiết bị được đầu tư từ dự án ODA.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch sửa chữa thường xuyên, xây dựng, cải tạo, mở rộng công trình, trong đó tiếp tục tập trung cải tạo, nâng cấp khu vực các nhà học, phòng làm việc, các phòng thí nghiệm/phòng thực hành phục vụ tốt công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường; tiếp tục cải tạo các dãy nhà ở khu I thành phòng học, phòng thí nghiệm/phòng thực hành... Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong Trường thực hiện có hiệu quả công tác cải tạo, sửa chữa công trình từ tất cả các nguồn vốn đã được phê duyệt.

- Thực hiện tốt kế hoạch duy tu, bảo dưỡng định kỳ: hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống chống sét và báo cháy, chăm sóc cây cảnh, vệ sinh môi trường... Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các nhà học trong Trường và định kỳ kiểm tra sửa chữa tập trung cuối mỗi học kỳ.

Kinh phí cho hoạt động xây dựng, cải tạo, sửa chữa, mua sắm trong năm 2023 trong phụ lục 2.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để thực hiện);
- Thành viên Hội đồng trường (để giám sát);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Công thông tin điện tử (để đăng tin);
- Lưu: VT, VPHĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Phương

## Phụ lục 1

## DỰ TOÁN NGUỒN THU-CHI NĂM 2023

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Ước thực hiện 2022			Dự toán 2023			So sánh 2023/2022 (±)
	Tổng	Ước TH	Nguồn quỹ	Tổng	Dự toán	Nguồn quỹ	
<b>TỔNG NGUỒN</b>	<b>1.098.313</b>	<b>710.220</b>	<b>388.093</b>	<b>1.234.439</b>	<b>868.535</b>	<b>365.904</b>	12,4
<i>Kỳ trước chuyển sang</i>	<i>444.268</i>	<i>56.175</i>	<i>388.093</i>	<i>428.739</i>	<i>62.835</i>	<i>365.904</i>	-3,5
<b>A. Thu trong kỳ</b>	<b>654.045</b>	<b>654.045</b>		<b>805.700</b>	<b>805.700</b>		23,2
a.NSNN cấp bù SP, miễn giảm HP	33.345	33.345		78.000	78.000		133,9
b.Nguồn sự nghiệp để lại	620.700	620.700		727.700	727.700		17,2
Tr.đó: -Học phí CQ	501.500	501.500		610.000	610.000		21,6
-Liên kết đào tạo	48.000	48.000		55.000	55.000		14,6
-Trường THSP	7.200	7.200		8.700	8.700		20,8
-Sự nghiệp khác	64.000	64.000		54.000	54.000		-15,6
<b>B. Chi trong kỳ</b>	<b>669.574</b>	<b>577.385</b>	<b>92.189</b>	<b>823.489</b>	<b>732.010</b>	<b>91.479</b>	<b>23,0</b>
<i>1.Nhóm chi thanh toán cho cá nhân</i>	<i>278.778</i>	<i>278.778</i>	<i>0</i>	<i>352.043</i>	<i>352.043</i>	<i>0</i>	<i>26,3</i>
-Tiền lương, các khoản theo lương	177.799	177.799	0	199.053	199.053	0	12,0
-Tiền công LD thường xuyên	3.514	3.514	0	3.918	3.918	0	11,5
-Học bổng sinh viên	36.000	36.000	0	40.000	40.000	0	11,1
-Các khoản thanh toán cho cá nhân	61.465	61.465	0	109.072	109.072	0	77,5
<i>2.Nhóm chi về hàng hóa dịch vụ</i>	<i>277.297</i>	<i>250.227</i>	<i>27.070</i>	<i>296.802</i>	<i>286.802</i>	<i>10.000</i>	<i>7,0</i>
-Thanh toán dịch vụ công cộng	25.803	25.803	0	30.623	30.623	0	18,7
-Vật tư văn phòng	4.197	4.197	0	4.374	4.374	0	4,2
-Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6.014	6.014	0	6.432	6.432	0	7,0
-Hội nghị	2.523	2.523	0	4.025	4.025	0	59,5
-Công tác phí	2.652	2.652	0	2.759	2.759	0	4,0
-Chi phí thuê mượn	15.756	15.756	0	15.962	15.962	0	1,3
-Chi đoàn ra, đoàn vào	1.079	1.079	0	1.772	1.772	0	64,2
-Sửa chữa TS, công tác CM	35.770	11.520	24.250	36.324	26.324	10.000	1,5
-Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	183.503	180.683	2.820	194.530	194.530		6,0
<i>3.Nhóm chi khác</i>	<i>65.177</i>	<i>45.710</i>	<i>19.467</i>	<i>103.401</i>	<i>93.039</i>	<i>10.362</i>	<i>58,6</i>
-Chi khác (miễn giảm học phí)	33.345	33.345	0	59.757	59.757	0	79,2
-Chi nộp thuế TNDN (2% học phí)	12.000	12.000		13.000	13.000		8,3
-Chi cho công tác Đảng	365	365		282	282		-22,7
-Hoạt động phúc lợi, khen thưởng	19.467		19.467	10.362		10.362	-46,8
-Dự phòng	0			20.000	20.000		
<i>4.Nhóm chi đầu tư</i>	<i>48.322</i>	<i>2.670</i>	<i>45.652</i>	<i>71.243</i>	<i>126</i>	<i>71.117</i>	<i>47,4</i>
-Chuẩn bị đầu tư	0			15.000		15.000	
-Vốn đối ứng dự án ODA	20.000		20.000	20.000		20.000	0,0
-Trả lãi nợ vay ODA	580		580	700		700	20,7
-Chi đào tạo VCNLD	3.650		3.650	3.383		3.383	-7,3
-Mua sắm TS phục vụ CM	21.232	2.670	18.562	29.126	126	29.000	37,2
-Mua sắm tài sản vô hình	2.860		2.860	3.034		3.034	6,1
<b>C. Cân bằng thu chi (A-B)</b>	<b>-15.529</b>	<b>76.660</b>	<b>-92.189</b>	<b>-17.789</b>	<b>73.690</b>	<b>-91.479</b>	
Chi lập các quỹ	70.000	70.000	0	72.000	72.000	0	2,9
<i>Chuyển sang kỳ sau</i>	<i>428.739</i>	<i>62.835</i>	<i>365.904</i>	<i>410.950</i>	<i>64.524</i>	<i>346.425</i>	<i>-4,1</i>

## Phụ lục 2

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG, CẢI TẠO, SỬA CHỮA  
VÀ MUA SẴM TÀI SẢN NĂM 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	KP Cải tạo, sửa chữa CSVC	KP Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tổng dự toán kinh phí	Ghi chú
<b>I</b>	<b>KHU I</b>	<b>1.300,0</b>	<b>150,0</b>	<b>1.450,0</b>	
<b>1</b>	<b>Khoa Ngoại ngữ</b>	<b>400,0</b>	<b>150,0</b>	<b>550,0</b>	
1	Chống thấm, dán gạch tường phòng làm việc các bộ môn	200,0			
2	Chống thấm xê nô các dãy nhà học và văn phòng Khoa	200,0			
3	Thiết bị điện, điện tử (02 tivi, 01 hệ thống âm thanh HT)		150,0		
<b>2</b>	<b>Các khu vực công cộng - P.QTTB</b>	<b>900,0</b>	<b>-</b>	<b>900,0</b>	
1	Cải tạo cảnh quan tại Khu I	100,0			KH 2022
2	Đường bê tông và làm hàng rào tiếp giáp các hộ dân phía sau Khu I - ĐHCT	500,0			KH 2022
3	Cải tạo hệ thống thoát nước Khu I	300,0			
<b>II</b>	<b>KHU II</b>	<b>27.305,0</b>	<b>19.891,0</b>	<b>47.196,0</b>	
<b>1</b>	<b>Trường Bách khoa</b>	<b>2.500,0</b>	<b>2.796,0</b>	<b>5.296,0</b>	
1	Cải tạo, chống sập lún sảnh tòa nhà chính Trường	200,0			
2	Cải tạo nâng cấp văn phòng Trường	120,0			
3	Cải tạo nâng cấp phòng họp Trường	150,0			
4	Cải tạo, chống sập lún vỉa hè, tam cấp tòa nhà chính, hệ thống thoát nước	250,0			
5	Bê tông, lát gạch vỉa hè hai bên tòa nhà chính	80,0			
6	Cải tạo, chống sập lún 03 PTN	180,0			
7	Sơn chống xuống cấp tòa nhà Khoa Kỹ thuật điện và Khoa Tự động hóa	600,0			
8	Xây dựng mới PTN cho Khoa Kỹ thuật Công trình Giao thông	120,0			
9	Cải tạo hệ thống lạnh cho phòng thực hành CAD/CAM/CNC Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí	300,0			KH 2022
10	Sơn tường, cửa đi, cửa sổ Xưởng Cơ khí	100,0			KH 2022
11	Cải tạo không gian các PTN, khu vệ sinh Khoa Kỹ thuật Xây dựng phục vụ đánh giá ngoài 2023	300,0			
12	Cải tạo nhà vệ sinh thư viện Trường	100,0			
13	Máy toàn đạc điện tử Khoa Điện tử Viễn thông (02 bộ)		256,0		
14	Thiết bị đối ứng tiếp nhận tài trợ của Công ty CP LUMI Việt Nam cho Khoa Điện tử Viễn thông (10 bộ máy tính, dụng cụ nội thất bố trí thí nghiệm)		150,0		
15	Thiết bị đối ứng tiếp nhận tài trợ của Công ty TNHH Siemens cho Khoa Tự động hóa (10 bộ máy tính)		350,0		
16	Dự án Đầu tư phòng thí nghiệm Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng phục vụ giảng dạy và học tập, Khoa Quản lý Công nghiệp		840,0		
17	Đầu tư trang thiết bị cho nhóm học phần về KIẾN TRÚC và MỸ THUẬT cho chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng, Kiến trúc, Khoa Kỹ thuật Xây dựng		1.200,0		
<b>2</b>	<b>Trường Công nghệ Thông tin và TT</b>	<b>1.580,0</b>	<b>1.000,0</b>	<b>2.580,0</b>	
1	Cải tạo hệ thống cửa tại 6 Khoa	180,0			

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	KP Cải tạo, sửa chữa CSVC	KP Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tổng dự toán kinh phí	Ghi chú
2	Cải tạo phòng họp trực tuyến 72 m2	150,0			
3	Cải tạo mặt tiền Trường (Hệ thống cửa đi chính, hệ thống các hồ cá cảnh)	200,0			
4	Chống thấm, dột mái cho tất cả các block của tòa nhà	1.000,0			
5	Nâng sàn hành lang thoát hiểm phía sau các phòng máy tính từ 101 đến phòng 109	50,0			
6	Thiết bị tin học và ngoại vi		1.000,0		
<b>3</b>	<b>Khoa Dự bị Dân tộc</b>	<b>300,0</b>	<b>480,0</b>	<b>780,0</b>	
1	Chống thấm trần phòng đoàn thể, seno khu nhà học và khu văn phòng	200,0			
2	Cải tạo bãi xe khoa	100,0			
3	Thiết bị tin học và ngoại vi (30 bộ máy tính, 01 máy chiếu)		480,0		
<b>4</b>	<b>Khoa Khoa học Chính trị</b>	<b>800,0</b>	<b>-</b>	<b>800,0</b>	
1	Cải tạo cảnh quan xung quanh Khoa, hệ thống thoát nước xung quanh tòa nhà	300,0			
2	Cải tạo sửa chữa tòa nhà	500,0			
<b>5</b>	<b>Khoa Khoa học Tự nhiên</b>	<b>1.000,0</b>	<b>1.550,0</b>	<b>2.550,0</b>	
1	Cải tạo cơ sở vật chất sơn sửa phòng, chống chặm cho Bộ môn Vật lý; Nhà vệ sinh, cửa đi của các phòng dãy sau bị lún; Sửa chữa nhà vệ sinh và cải tạo 01 phòng làm việc của Khoa thành phòng bảo vệ luận văn thạc sĩ	1.000,0			
2	Mua sắm bổ sung thiết bị thí nghiệm cho các bộ môn; nội thất và thiết bị cho phòng bảo vệ luận văn thạc sĩ, máy chiếu cho nhà học		1.500,0		
3	Phần mềm VASP phục vụ đào tạo sau đại học		50,0		
<b>6</b>	<b>Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn</b>	<b>250,0</b>	<b>625,0</b>	<b>875,0</b>	
1	Sơn mặt ngoài, chống thấm, cải tạo nhà vệ sinh tòa nhà khoa; Nâng nền, lát gạch sân và đường vào khoa	250,0			
2	Thiết bị tin học và ngoại vi (48 bộ máy tính, 04 máy scan)		625,0		
<b>7</b>	<b>Trường Kinh tế</b>	<b>450,0</b>	<b>-</b>	<b>450,0</b>	
1	Sửa chữa sân trong khuôn viên Trường	100,0			
2	Lát gạch hành lang phòng học Chất lượng cao	100,0			
3	Sơn mới, lát gạch 03 khoa (KT tài nguyên và Môi trường, Kế toán kiểm toán, QTKD)	250,0			
<b>8</b>	<b>Khoa Luật</b>	<b>400,0</b>	<b>500,0</b>	<b>900,0</b>	
1	Chống thấm nhà học, xử lý thấm ộp chân tường tầng trệt nhà làm việc (tiếp giáp công trình ODA)	200,0			
2	Cải tạo phòng 201 thành phòng họp, hội nghị trực tuyến	100,0			
3	Cải tạo phòng học 102 sau khi khoa nhận lại	100,0			
4	Thiết bị điện, điện tử, âm thanh (01 bộ họp trực tuyến, 03 tivi, 03 máy lạnh)		300,0		
5	Dụng cụ nội thất (01 bộ bàn chữ U, 02 tủ âm tường, 40 ghế)		200,0		
<b>9</b>	<b>Khoa Môi trường &amp; TNTN</b>	<b>1.025,0</b>	<b>-</b>	<b>1.025,0</b>	
1	Sơn mới mặt ngoài phía sau khoa	575,0			
2	Ốp gạch chân tường khoa	40,0			
3	Cải tạo mái tole	60,0			
4	Cải tạo nền phòng	20,0			

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	KP Cải tạo, sửa chữa CSVC	KP Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tổng dự toán kinh phí	Ghi chú
5	Cải tạo dây phòng	235,0			
6	Óp gạch 6 PTN	95,0			
<b>10</b>	<b>Trường Nông nghiệp</b>	<b>950,0</b>	<b>300,0</b>	<b>1.250,0</b>	
1	Cải tạo nhà làm việc, nhà kho, trại chăn nuôi, đường đi chính, hệ thống đê bao, thoát nước khu trại thực nghiệm Nông nghiệp	500,0			
2	Cải tạo, sửa chữa các phòng thuộc Bộ môn Công nghệ thực phẩm cũ thành PTN mới	200,0			
3	Gia cố móng, chống thấm, sơn mới PTN Phòng trừ sinh học	250,0			
4	Bổ sung thiết bị, dụng cụ thí nghiệm cho các Bộ môn		300,0		
<b>11</b>	<b>Khoa Sư phạm</b>	<b>1.150,0</b>	<b>325,0</b>	<b>1.475,0</b>	
1	Cải tạo Phòng thí nghiệm Sinh lý Động vật	150,0			
2	Sơn mới Bộ môn SP Lịch sử và Bộ môn SP Địa lý	50,0			
3	Sơn mới, ốp gạch từng chống thấm hội trường Khoa, nhà vệ sinh	200,0			
4	Sân bóng chuyền, lan can khô	350,0			
5	Cải tạo sảnh, nhà vệ sinh, khe lún, sơn sửa văn phòng các bộ môn Nhà làm việc khoa	400,0			KH 2022
6	Thiết bị tin học và ngoại vi Bộ môn SP Sinh học (04 bộ máy tính, 01 máy in, 04 máy chiếu)		175,0		
7	Thiết bị điện, điện tử, âm thanh (06 tivi, 01 máy hút bụi, 05 đàn organ điện)		150,0		
<b>12</b>	<b>Khoa Thủy sản</b>	<b>1.750,0</b>	<b>200,0</b>	<b>1.950,0</b>	
1	Làm nền và hệ thống thoát nước khu vực Nhà máy thức ăn thủy sản	200,0			
2	Cải tạo chống thấm nhà vệ sinh nhà học 5 tầng; Chống thấm mái khối nhà văn phòng & nhà học 5 tầng; Sơn mặt sau khối nhà làm việc	1.100,0			
3	Sơn mới, sửa toàn bộ cửa đi, cửa sổ nhà 2 tầng	200,0			
4	Cải tạo nền Bộ môn Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt lắp dựng nhà văn phòng tư vấn lắp đặt thiết bị thí nghiệm ODA	250,0			KH 2022
5	Bổ sung thiết bị, dụng cụ thí nghiệm các bộ môn		200,0		
<b>13</b>	<b>Viện CNSH và Thực phẩm</b>	<b>1.000,0</b>	<b>200,0</b>	<b>1.200,0</b>	
1	Sửa chữa một phần tòa nhà Phòng thí nghiệm chuyên sâu thành phòng học	1.000,0			
2	Bổ sung thiết bị, dụng cụ thí nghiệm		200,0		
<b>14</b>	<b>Trung tâm Học liệu</b>	<b>500,0</b>	<b>-</b>	<b>500,0</b>	
1	Chống thấm tòa nhà	500,0			KH 2022
<b>15</b>	<b>Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng</b>	<b>-</b>	<b>4.550,0</b>	<b>4.550,0</b>	
1	Cải tạo hệ thống lạnh cho phòng Server		1.000,0		
2	Phần mềm (Giá hạn bản quyền 1 năm: tường lửa Internet và Ứng dụng các thiết bị bảo mật của DA ODA, tường lửa các thiết bị DA Ngoại ngữ 2020)		1.800,0		
3	Thiết bị tin học (Bổ sung 40 điểm truy cập wifi trường, nâng cấp hệ thống mạng các đơn vị)		1.000,0		
4	Phần mềm sao lưu, nhân bản các máy chủ ảo		750,0		
<b>16</b>	<b>Phòng Công tác sinh viên (KTX - TT.PVSV)</b>	<b>3.500,0</b>	<b>1.235,0</b>	<b>4.735,0</b>	

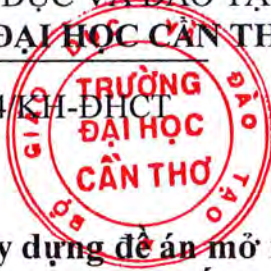
STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	KP Cải tạo, sửa chữa CSVC	KP Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tổng dự toán kinh phí	Ghi chú
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các dãy Ký túc xá	2.500,0			
2	Nâng nền nhà xe số 2 KTX Khu B	700,0			
3	Cải tạo vỉa hè đường vào KTX Khu B	100,0			
4	Cảnh quan, vỉa hè khu vực Nhà văn hóa KTX Khu A	200,0			
5	Thiết bị tin học và ngoại vi (06 bộ máy tính, 01 máy in)		100,0		
6	Hệ thống camera quan sát an ninh		260,0		
7	Thiết bị điện, điện lạnh (03 máy lạnh)		100,0		
8	Dụng cụ nội thất (80 giường sắt)		440,0		
9	Sửa chữa dụng cụ nội thất (thay vật 268 giường dãy A1)		335,0		
<b>17</b>	<b>Phòng Kế hoạch Tổng hợp</b>	<b>500,0</b>	<b>1.000,0</b>	<b>1.500,0</b>	
1	Thay mới mái tole, laphong trần, cửa nhà xe Tô ô tô; Cải tạo hệ thống thoát nước khu vực nhà xe	300,0			
2	Sơn lại phòng PCT.HDT, phòng họp BGH Lầu 1 NDH; Chống thấm sê nô, mái, sửa trần Nhà khách số 1, nhà sole số 1, 8...	100,0			KH 2022
3	Sơn lan can NDH	100,0			
4	Lắp đặt máy lạnh cho Hội trường 3		300,0		KH 2022
5	Bàn ghế cho Hội trường 3		700,0		
<b>18</b>	<b>Văn phòng Đoàn thanh niên - TT. TVKN</b>	<b>200,0</b>	<b>-</b>	<b>200,0</b>	
1	Chống thấm sê nô, thay mái tole	200,0			KH 2022
<b>19</b>	<b>Khoa Giáo dục thể chất</b>	<b>2.700,0</b>	<b>-</b>	<b>2.700,0</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa khu làm việc, hệ thống điện, đèn chiếu sáng	1.000,0			
2	Chống dột, thấm, sụp lún Nhà thi đấu mới; Nâng nền, tráng bê tông, làm hệ thống thoát nước 2 bên Nhà thi đấu mới	1.500,0			
3	Nâng nền, tráng bê tông trước Nhà thi đấu cũ	200,0			
<b>20</b>	<b>Phòng Công tác chính trị</b>	<b>200,0</b>	<b>1.400,0</b>	<b>1.600,0</b>	
1	Lắp đặt cabin kỹ thuật, phòng phiên dịch Hội trường Rùa	200,0			
2	Thiết bị điện, điện tử (02 tivi 80 inch, 02 Camera quan sát, 20 đèn Wash Led, 12 đèn kỹ xảo) lắp đặt bổ sung Hội trường Rùa		500,0		
3	Bảo trì các hệ thống báo cháy, thiết bị PCCC các đơn vị (gồm máy bơm PCCC V. ĐBSCL, K. KHXH&NV, KSP)		900,0		
<b>21</b>	<b>Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ</b>	<b>300,0</b>	<b>480,0</b>	<b>780,0</b>	
1	Cải tạo 01 phòng học thành phòng thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ (điện, mạng, camera, bàn ghế,...)	300,0			
2	Thiết bị tin học và ngoại vi (37 bộ máy tính, 02 switch, 18 ổ cứng)		480,0		
<b>22</b>	<b>Khu vực công cộng - P.QTTB</b>	<b>6.250,0</b>	<b>3.250,0</b>	<b>9.500,0</b>	
1	Cải tạo hệ thống thoát nước, hạ tầng Khu II - ĐHCT	1.000,0			KH 2022
2	Cải tạo cảnh quan, hệ thống giao thông nội bộ	1.000,0			KH 2022
3	Chăm sóc cảnh quan môi trường, trồng cây xanh	800,0			KH 2022
4	Lắp đặt bổ sung camera giám sát an ninh Khu I, Khu II, Khu Măng Đen	950,0			KH 2022
5	Dự phòng sửa chữa các công trình vật kiến trúc, điện, nước khu vực công cộng, các nhà học dùng chung; Mua sắm, sửa chữa thiết bị	2.000,0			

STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	KP Cải tạo, sửa chữa CSVC	KP Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tổng dự toán kinh phí	Ghi chú
6	Di dời, lắp đặt máy móc thiết bị từ các PTN hiện hữu vào các Tòa nhà dự án ODA	500,0			KH 2022
7	Thiết bị âm thanh cho các nhà học		250,0		
8	Tivi bổ sung, thay thế các nhà học		250,0		
9	Máy chiếu bổ sung, thay thế cho các nhà học		250,0		
10	Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (T11/2023)		300,0		
11	Mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc các công trình thuộc DA ODA		600,0		
12	Mua sắm, sửa chữa bàn, ghế sinh viên cho các nhà học		250,0		
13	Dự phòng sửa chữa lớn thiết bị thí nghiệm và dịch vụ khác cho các đơn vị		500,0		
14	Mua sắm bổ sung thiết bị thí nghiệm cho các đơn vị năm 2022		650,0		KH 2022
15	Mua sắm thiết bị và dụng cụ thí nghiệm cho Trường Nông nghiệp		200,0		KH 2022
<b>III</b>	<b>KHU HÒA AN</b>	<b>5.297,0</b>	<b>900,0</b>	<b>6.197,0</b>	
<b>1</b>	<b>Khoa Phát triển nông thôn</b>	<b>2.000,0</b>	<b>400,0</b>	<b>2.400,0</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa các nhà học, KTX; Hệ thống điện, chiếu sáng; Hệ thống thoát nước; Đường nội bộ, cãntin, nhà xe...	2.000,0			
2	Thiết bị tin học và ngoại vi (08 bộ máy tính, 03 máy in, 01 máy photocopy)		150,0		
3	Thiết bị văn phòng (02 máy lạnh)		50,0		
4	Dụng cụ nội thất (03 bộ bàn ghế làm việc, 09 bàn làm việc, 30 ghế văn phòng, 09 kệ, 06 tủ hồ sơ)		200,0		
<b>2</b>	<b>Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh</b>	<b>2.200,0</b>	<b>500,0</b>	<b>2.700,0</b>	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà điều hành, giảng đường, nhà học, ký túc xá, nhà ở cán bộ, nhà ăn sinh viên; Cải tạo hệ thống thoát nước, đường nội bộ,...	2.000,0			
2	Cải tạo hệ thống cấp nước, mái nhà ăn Trung tâm Giáo dục Quốc phòng & AN	200,0			
3	Thiết bị tin học và ngoại vi (07 bộ máy tính, 02 máy in, 01 scan, 12 accesspoint, máy chiếu)		150,0		
4	Thiết bị điện, điện tử, âm thanh (hệ thống camera an ninh, bộ thiết bị phòng họp trực tuyến, 02 máy lạnh)		350,0		
<b>3</b>	<b>Các khu vực công cộng - P.QTTB</b>	<b>1.097,0</b>	<b>-</b>	<b>1.097,0</b>	
1a	Cải tạo đoạn đường nối TTGDQP & KTX Hậu Giang Khu Hòa An.	1.097,0			KH 2022
<b>IV</b>	<b>KHU LÒ GẠCH BỪNG BÌNH</b>	<b>1.600,0</b>	<b>-</b>	<b>1.600,0</b>	
1	Nạo vét ao, đắp đê làm đường đi khu vực ao nuôi cá Trại Lò Gạch (trại cũ)- TT nghiên cứu ứng dụng Thủy sản công nghệ cao thuộc Bộ Môn kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt	200,0			KH 2022
2	Xây dựng hàng rào tạm bao quanh khu đất; Thuê dịch vụ bảo vệ	400,0			KH 2022
3	Xây dựng phòng học và phòng thực hành	1.000,0			KH 2022
<b>V</b>	<b>TRẠI THỰC NGHIỆM VĨNH CHÂU</b>	<b>1.470,0</b>	<b>-</b>	<b>1.470,0</b>	
1	Xây dựng trụ hàng rào phía sau khu đất Vĩnh Châu - Đại học Cần Thơ	670,0			KH 2022



STT	Tên dự án, hạng mục đầu tư	KP Cải tạo, sửa chữa CSVC	KP Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tổng dự toán kinh phí	Ghi chú
2	Cầu giao thông, cổng, xây tường hàng rào phía sau khu đất Vĩnh Châu - Đại học Cần Thơ	800,0			
<b>VI</b>	<b>KHU MĂNG ĐEN - KON TUM</b>	<b>5.360,0</b>	<b>-</b>	<b>5.360,0</b>	
1	Quy hoạch sử dụng đất khu Măng Đen - Trường Đại học Cần Thơ	300,0			KH 2022
2	Phòng thí nghiệm	870,0			KH 2022
3	Trại thực nghiệm động vật nuôi	935,0			KH 2022
4	Dãy phòng ở sinh viên	660,0			KH 2022
5	Trại thực nghiệm thủy sản	700,0			KH 2022
6	Khu vệ sinh sử dụng chung	345,0			KH 2022
7	Đường đi nội bộ	300,0			KH 2022
8	Vấn đề đất rừng (9,5 ha) còn lại	100,0			KH 2022
9	Cảnh quan (cây, hoa, cá trong hồ)	50,0			KH 2022
10	Nhà trưng bày và sinh hoạt chung	1.000,0			
11	Hạ tầng kỹ thuật	100,0			
<b>VII</b>	<b>PHÂN HIỆU ĐHCT TẠI SÓC TRĂNG</b>	<b>10.000,0</b>	<b>-</b>	<b>10.000,0</b>	
1	Cải tạo cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan môi trường	10.000,0			KH 2022
<b>VIII</b>	<b>XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>	<b>9.000,0</b>	<b>-</b>	<b>9.000,0</b>	
1	Cải tạo mặt sân bóng đá phía sau Nhà thi đấu đa năng	1.000,0			KH 2022
2	Cải tạo đường nội bộ chính từ Hội trường Rùa đến ngã 3 khoa Công nghệ	6.000,0			KH 2022
3	Cải tạo đường nội bộ kết nối cổng sau phía bờ Hồ Búng Xáng (cổng E) đến nhà kho Phòng QTTB	2.000,0			
<b>TỔNG CỘNG (I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII)</b>		<b>61.332,0</b>	<b>20.941,0</b>	<b>82.273,0</b>	

	Tổng kinh phí dự kiến năm 2023	
1	Cải tạo, sửa chữa công trình	35,502.00
2	Mua sắm, sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị	20,941.00
3	Trại TN Vĩnh Châu	1,470.00
4	Khu Măng Đen	5,360.00
5	Phân hiệu Sóc Trăng	10,000.00
6	Xây dựng mới	9,000.00



## KẾ HOẠCH

### Về việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và chương trình chất lượng cao trình độ đại học (đợt 1 – năm 2023)

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 6031/BGDĐT-GDDH ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện đào tạo chương trình chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ về sửa đổi, bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030; Nghị quyết số 86/NQ-HĐT ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ về bổ sung kế hoạch mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đến năm 2030.

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Trường về việc phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường Đại học Cần Thơ năm 2023;

Trường Đại học Cần Thơ lập kế hoạch xây dựng đề án mở ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và chương trình chất lượng cao trình độ đại học (đợt 1, năm 2023) cụ thể như sau:

#### 1. Mục đích, yêu cầu

Xây dựng Đề án mở 01 (một) ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, 03 (ba) ngành đào tạo trình độ đại học và 01 (một) chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học (do Trường tự chủ) bao gồm:

- Ngành Kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ, mã ngành: 8520103.



- Ngành Kiến trúc, trình độ đại học, mã ngành: 7580101.
- Ngành Luật kinh tế, trình độ đại học, mã ngành: 7380107.
- Ngành Quy hoạch vùng và đô thị, trình độ đại học, mã ngành: 7580105.
- Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học thuộc ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, mã ngành: 7520216.

Các đề án mở ngành đào tạo được xây dựng bảo đảm đầy đủ các thông tin và đáp ứng quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Cần Thơ.

## 2. Kế hoạch thực hiện

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
<b>Bước 1</b>	<b>Xây dựng, đề xuất, thẩm định và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo</b>		
1.1	Khảo sát, phân tích và báo cáo nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực.	Đã thực hiện vào tháng 11 và tháng 12 năm 2022	TTQLCL tư vấn; Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành
1.2	Xây dựng phiếu tự đánh giá năng lực của cơ sở đào tạo đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở.		ĐVĐT đề xuất mở ngành; PĐT/KSĐH
1.3	Xây dựng tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành		ĐVĐT đề xuất mở ngành; PĐT/KSĐH
1.4	Thẩm định đề xuất chủ trương mở ngành		ĐVĐT; PĐT/KSĐH; HĐKH&ĐT
1.5	Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo của Hội đồng trường		ĐVĐT; PĐT/KSĐH; Hội đồng trường
<b>Bước 2</b>	<b>Xây dựng đề án mở ngành đào tạo</b>		
2.1	Thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành, Hội đồng xây dựng CTĐT	Tháng 01/2023	ĐVĐT đề xuất mở ngành; PĐT/KSĐH; PTCCB; Ban Giám hiệu
2.2	Điều tra, khảo sát nhu cầu xã hội về ngành đào tạo	Trước ngày 19/02/2023	TTQLCL tư vấn; HỖXD CTĐT
2.3	Xây dựng, thẩm định CTĐT		
2.3.1	Xác định CTĐT quốc tế và CTĐT trong nước để đối sánh		HỖXD CTĐT
2.3.2	Dự thảo CTĐT lần 1		HỖXD CTĐT
2.3.2	Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT dự thảo		HỖXD CTĐT; ĐVĐT; TTQLCL tư vấn
2.3.3	Hoàn thiện CTĐT sau khi lấy ý kiến các bên liên quan		HỖXD CTĐT
2.3.3	Thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT	Tháng 02/2023	ĐVĐT đề xuất mở ngành; PĐT/KSĐH; PTCCB; Ban Giám hiệu
2.3.4	Thẩm định CTĐT	Tháng 02/2023	HỖXD CTĐT Hội đồng thẩm định CTĐT

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
2.3.5	Thông qua CTĐT	Tháng 02/2023	ĐVĐT đề xuất mở ngành; PĐT/KSĐH; HĐKH&ĐT
2.3.6	Ban hành CTĐT; Bản mô tả CTĐT và chương trình dạy học	Trước ngày 13/3/2023	PĐT/KSĐH; HĐKHĐT; Trưởng ĐVĐT; Hiệu trưởng
2.4	Xác định các điều kiện bảo đảm chất lượng ngành đào tạo dự kiến mở mới	Tháng 01 - 02/2023	HĐXD đề án mở ngành; Các đơn vị có liên quan.
2.5	Xây dựng dự thảo đề án	Tháng 01 - 02/2023	HĐXD đề án mở ngành; ĐVĐT đề xuất mở ngành.
<b>Bước 3</b>	<b>Thẩm định đề án mở ngành đào tạo</b>		
3.1	Kiểm tra dự thảo đề án và các điều kiện bảo đảm chất lượng ngành đào tạo dự kiến mở mới	Trước ngày 12/3/2023	HĐXD đề án mở ngành PĐT/KSĐH
3.2	Thành lập Hội đồng thẩm định đề án mở ngành	Trước ngày 19/3/2023	PĐT/KSĐH; PTCCB; HĐKHĐT; Hiệu trưởng
3.3	Thẩm định đề án của Hội đồng thẩm định	Trước ngày 19/3/2023	HĐXD đề án; HĐ thẩm định đề án
3.4	Thẩm định đề án của Hội đồng Khoa học và đào tạo	Trước ngày 26/3/2023	HĐXD đề án; HĐ thẩm định đề án HĐKHĐT
3.5	Thông qua đề án của Hội đồng Khoa học và đào tạo	Phiên họp tháng 03/2023	ĐVĐT đề xuất mở ngành; PĐT/KSĐH; HĐKHĐT
<b>Bước 4</b>	<b>Hoàn thiện hồ sơ mở ngành đào tạo</b>	Trước ngày 31/3/2023	HĐXD đề án mở ngành; PĐT/KSĐH; Hiệu trưởng
<b>Bước 5</b>	<b>Phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo</b>		
5.1	Phê duyệt đề án và ban hành quyết định	Trước ngày 31/3/2023	PĐT/KSĐH; Hiệu trưởng; Hội đồng trường;
5.2	Đăng tải thông tin lên Website của Trường: Quyết định ban hành và nội dung cơ bản của đề án mở ngành đào tạo	Công khai đề án sau 5 ngày từ khi ban hành quyết định	ĐVĐT; PĐT/KSĐH;
5.3	Cập nhật thông tin về mở ngành đào tạo, đề án mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học		Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng.



TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
<b>Bước 6</b>	<b>Báo cáo Bộ Giáo dục Đào tạo:</b> Quyết định mở ngành đào tạo; Đề án mở ngành đào tạo; Địa chỉ truy cập trang thông tin điện tử các nội dung liên quan đến việc mở ngành đào tạo	Hồ sơ báo cáo Bộ GD&ĐT sau 10 ngày ban hành quyết định	PĐT/KSDH; Hiệu trưởng.
<b>Bước 7</b>	<b>Tuyển sinh và đào tạo</b> Sau 15 ngày, nếu Bộ GD&ĐT không có phản hồi hoặc phản hồi đồng ý, Trường sẽ đưa ngành mới vào danh mục tuyển sinh đợt gần nhất.		PĐT/KSDH; ĐVĐT.

### 3. Tổ chức thực hiện

#### 3.1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo

- Cho ý kiến về chương trình đào tạo khi có kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.

- Tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo; xem xét, đánh giá điều kiện thực tế của đơn vị đào tạo trên cơ sở căn cứ các quy định.

#### 3.2. Phòng Đào tạo, Khoa Sau đại học

- Lập kế hoạch, cung cấp các văn bản pháp quy, tài liệu liên quan để xây dựng đề án mở ngành đào tạo.

- Tham mưu, phối hợp với các ĐVĐT rà soát, tư vấn các điều kiện mở ngành theo trình độ quản lý.

- Chịu trách nhiệm báo cáo các vấn đề liên quan đến việc tự chủ mở ngành đào tạo của Trường để Hiệu trưởng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

#### 3.3. Đơn vị đào tạo đề xuất mở ngành

- Chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng đề án mở ngành, xây dựng chương trình đào tạo và hoàn thiện các biểu mẫu liên quan theo quy định hiện hành và phải bảo đảm kế hoạch chung của Trường.

- Cung cấp văn bản, tài liệu, chế bản, in ấn, đóng tập và các việc khác khi có yêu cầu.

**3.4. Các đơn vị khác có liên quan:** Có trách nhiệm phối hợp thực hiện các yêu cầu và kế hoạch của Trường trong việc lập xây dựng đề án mở ngành theo quy định.

Hiệu trưởng yêu các đơn vị, cá nhân nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng kế hoạch, quy trình đề ra. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc phát sinh, các đơn vị phối hợp với Phòng Đào tạo, Khoa Sau đại học để trao đổi và báo cáo Hiệu trưởng để xem xét giải quyết. /.

#### Nơi nhận:

- Hội đồng trường;
- Ban Giám hiệu ;
- Hội đồng KH&ĐT;
- Các đơn vị ;
- Lưu: VT, PĐT, KSDH.



Hà Thanh Toàn

**TRÍCH BIÊN BẢN HỌP**  
**THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG**  
**Phiên họp Lần 2 - Tháng 03 năm 2023**

**I. Thời gian và địa điểm**

- **Thời gian:** phiên họp bắt đầu lúc 14 giờ 00, ngày 28 tháng 03 năm 2023.
- **Địa điểm:** Hội trường BGH, Nhà Điều hành, Trường ĐHTC.

**II. Thành phần tham dự**

- **Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo:** PGS.TS. Trần Trung Tính, GS.TS. Trần Ngọc Hải, PGS.TS. Trịnh Quốc Lập, GS.TS. Hà Thanh Toàn, GS.TS. Nguyễn Thanh Phương, PGS.TS. Nguyễn Duy Cần và PGS.TS. Ngô Thanh Phong.
- **Tổ Thư ký Hội đồng Khoa học và Đào tạo:** PGS.TS. Ngô Thanh Phong, GVC.ThS. Nguyễn Minh Trí, PGS.TS. Lê Nguyễn Đoàn Khôi, PGS.TS. Mai Văn Nam, CVC. Lê Phi Hùng, PGS.TS. Phạm Phương Tâm, CVC.ThS. Dương Thanh Long, GVC.ThS. Nguyễn Văn Duyệt, GVC.TS. Nguyễn Thanh Tường, GVC.TS. Phan Huy Hùng, GVC.ThS. Nguyễn Văn Trí, GVC.TS. Nguyễn Lan Hương và GVC.TS. Lê Văn Lâm.
- **Trường Bách khoa:** PGS.TS. Trần Văn Tỷ, TS. Trần Nhật Thanh, ThS. Võ Thị Lệ Thi và ThS. Nguyễn Lê Kim Ngọc.
- **Khoa Môi trường và tài nguyên thiên nhiên:** PGS.TS. Phạm Thanh Vũ và GVC.TS. Trương Chí Quang.
- **Khoa Luật:** TS. Cao Nhất Linh và TS. Dương Văn Học.
- **Khoa Sư phạm:** GVC.TS. Lê Văn Nhung, PGS.TS. Đinh Minh Quang và GVC.TS. Trịnh Thị Hương.
- **Khoa Sau đại học:** PGS.TS. Mai Văn Nam, PGS.TS. Trần Thanh Trúc và ThS. Nguyễn Hữu Giao Tiên.
- **Phòng Đào tạo:** GVC.ThS. Nguyễn Minh Trí, GVC.ThS. Nguyễn Hứa Duy Khang, ông Phạm Minh Tiến và bà Huỳnh Huệ Trúc.
- **Phòng Tổ chức – Cán bộ:** CVC. Lê Phi Hùng và ThS. Nguyễn Văn Toàn.
- **Phòng Quản trị - Thiết bị:** GVC.ThS. Nguyễn Văn Trí.
- **Phòng Thanh tra – Pháp chế:** GVC.TS. Nguyễn Lan Hương.

### III. Nội dung chính

PGS.TS. Trần Trung Tính – Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo chủ trì phiên họp xem xét thông qua Đề án mở ngành đào tạo và chương trình đào tạo chất lượng cao đã được Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và trình độ đại học thông qua như sau:

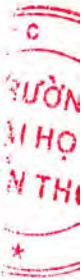
1. Ngành Kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ, Mã ngành: 8520103.
2. Ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ, Mã ngành: 8140110.
3. Ngành Kiến trúc, trình độ đại học, Mã ngành: 7580101.
4. Ngành Luật kinh tế, trình độ đại học, Mã ngành: 7380107.
5. Ngành Quy hoạch vùng và đô thị, trình độ đại học, Mã ngành: 7580105.
6. Ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên, trình độ đại học, Mã ngành: 7140247.
7. Ngành Giáo dục mầm non, trình độ đại học, Mã ngành: 7140201.
8. Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học thuộc ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Mã ngành: 7520216.

### IV. Kết luận của phiên họp

Đồng ý thông qua các Đề án mở ngành đào tạo và chương trình đào tạo chất lượng cao đã được Hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và trình độ đại học thông qua như sau:

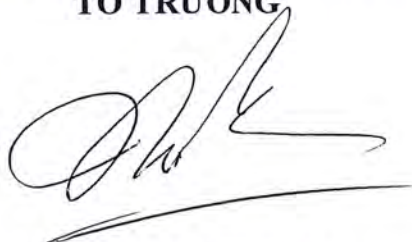
1. Ngành Kỹ thuật cơ khí, trình độ thạc sĩ, Mã ngành: 8520103.
2. Ngành Lý luận và phương pháp dạy học, trình độ thạc sĩ, Mã ngành: 8140110.
3. Ngành Kiến trúc, trình độ đại học, Mã ngành: 7580101.
4. Ngành Luật kinh tế, trình độ đại học, Mã ngành: 7380107.
5. Ngành Quy hoạch vùng và đô thị, trình độ đại học, Mã ngành: 7580105.
6. Ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên, trình độ đại học, Mã ngành: 7140247.
7. Ngành Giáo dục mầm non, trình độ đại học, Mã ngành: 7140201.
8. Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học thuộc ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Mã ngành: 7520216.

Đề nghị Khoa Sau đại học và Phòng Đào tạo phối hợp với các Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo và chương trình chất lượng cao nêu trên tham mưu Hiệu trưởng trình Hội đồng trường xem xét quyết định.



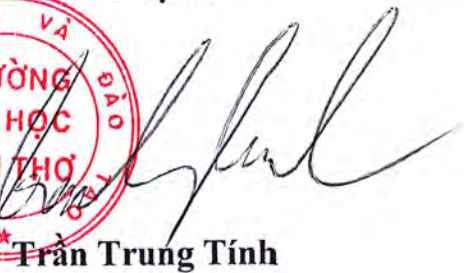
Buổi họp kết thúc lúc: 17 giờ 00 phút cùng ngày./.

**TỔ THƯ KÝ HĐ KH&ĐT TRƯỜNG  
TỔ TRƯỞNG**



**Ngô Thanh Phong**

**HỘI ĐỒNG KH&ĐT TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH**



**Trần Trung Tính**

***Nơi nhận:***

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Hội đồng trường;
- Thường trực HĐKH&ĐT;
- Tổ Thư ký HĐKH&ĐT;
- Trường Bách khoa;
- Khoa: Luật, Sư phạm, MT&TNTN, SDH;
- Phòng: ĐT, TCCB, QTTB, TTPC;
- Lưu: VT, HĐKH&ĐT.







Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

### Phê duyệt Đề án mở ngành đào tạo

#### HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 12 tháng 02 năm 2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020;

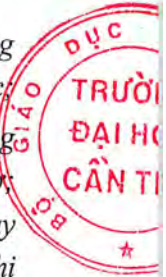
Căn cứ Nghị quyết số 95/NQ-HĐT ngày 30 tháng 3 năm 2023 của kỳ họp thứ chín Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng tại Tờ trình số 1079/TTr-ĐHCT ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ đại học và chương trình chất lượng cao.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí (mã ngành 8520103); Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kiến trúc (mã ngành: 7580101), ngành Luật kinh tế (mã ngành: 7380107), ngành Quy hoạch vùng và đô thị (mã ngành: 7580105) và chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (mã ngành: 7520216).

**Điều 2.** Giao Hiệu trưởng căn cứ quy định hiện hành ban hành quyết định mở các ngành đào tạo và Chương trình đào tạo chất lượng cao được nêu tại Điều 1.



**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020-2025, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 30 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ, thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để thực hiện);
- Thành viên Hội đồng trường (để giám sát);
- Cổng thông tin điện tử (để đăng tin);
- Lưu: VT, VPHĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Phương**



Số: 1299/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 31 tháng 3 năm 2023



## QUYẾT ĐỊNH

Về việc mở ngành đào tạo và chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Trường Đại học Cần Thơ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 6031/BGDĐT-GDĐH ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện đào tạo chương trình chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Trường về việc phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường Đại học Cần Thơ năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4799/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ tại Biên bản số 1059/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 28 tháng 3 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐT ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng Trường về việc phê duyệt đề án mở ngành đào tạo năm 2023;



Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Bách Khoa, Trưởng khoa Luật, Trường khoa Môi trường và tài nguyên thiên nhiên và Trường phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Mở 03 (ba) ngành đào tạo và 01 (một) chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Trường Đại học Cần Thơ bao gồm:

1. Ngành đào tạo:

- Ngành Kiến trúc, mã ngành: 7580101
- Ngành Luật kinh tế, mã ngành: 7380107
- Ngành Quy hoạch vùng và đô thị, mã ngành: 7580105

2. Chương trình đào tạo chất lượng cao:

- Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, mã ngành: 7520216

**Điều 2.** Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo đối với các ngành đào tạo và chương trình chất lượng cao được nêu tại Điều 1 thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Việc tuyển sinh các ngành được nêu tại Điều 1 được thực hiện từ năm học 2023 – 2024.

**Điều 4.** Hiệu trưởng Trường Bách Khoa, Trưởng khoa Luật, Trưởng khoa Môi trường và tài nguyên thiên nhiên và Trường phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Lưu: VT, PĐT.



Hà Thanh Toàn



## QUYẾT ĐỊNH

Về việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí, mã ngành 8520103 của Trường Đại học Cần Thơ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Trường về việc phê duyệt các nội dung và kế hoạch hoạt động Trường Đại học Cần Thơ năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4799/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Cần Thơ tại Biên bản số 1059/BB-ĐHCT-HĐKHĐT ngày 28 tháng 3 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐT ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng Trường về việc phê duyệt đề án mở ngành đào tạo năm 2023;



Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Bách Khoa và Trường khoa Sau đại học.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật cơ khí, mã ngành 8520103 của Trường Đại học Cần Thơ.

**Điều 2.** Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo đối với ngành đào tạo được nêu tại Điều 1 thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Việc tuyển sinh ngành được nêu tại Điều 1 được thực hiện từ năm 2023.

**Điều 4.** Hiệu trưởng Trường Bách Khoa và Trường khoa Sau đại học, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Lưu: VT, KSĐH.

